



Báo cáo

**Đánh giá Rủi ro Thiên tai và Thích ứng biến đổi khí
hậu Dựa vào Cộng đồng
Xã Đức Thắng, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi**

MỤC LỤC

A. GIỚI THIỆU CHUNG:	4
1. Vị trí địa lý.....	4
4. Xu hướng thiên tai, khí hậu	5
5. Hiện trạng Dân số	5
6. Hiện trạng sử dụng đất đai	5
7. Đặc điểm và cơ cấu kinh tế:.....	6
B. ĐÁNH GIÁ NGUY CƠ VÀ ĐIỀU KIỆN DỄ TỒN THƯƠNG VỚI THIÊN TAI/BĐKH.....	7
1.Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai/BĐKH	7
2.Tóm tắt kết quả bản đồ vùng nguy cơ thiên tai/BĐKH dựa trên bản đồ sơ họa.....	7
3.Lịch sử thiên tai/BĐKH.....	8
4.Nhóm dễ bị tổn thương:	9
5.Đánh giá hạ tầng và dịch vụ công cộng	9
Nhận xét: Nhìn chung về hiện trạng hạ tầng cơ sở và dịch vụ công cộng xã Đức Thắng chưa phát triển so với mặt bằng chung của toàn huyện, tỷ lệ cứng hóa đường giao thông hóa còn thấp so với tiêu chí nông thôn mới. Các công trình và dịch vụ công cộng chưa đạt tỷ lệ so với tiêu chí nông thôn mới.	10
5. Đánh giá hiện trạng nhà ở	10
6. Số lượng nhà trong vùng có nguy cơ thiên tai và BĐKH	11
7. Điều kiện Nước sạch, vệ sinh và môi trường.....	11
8. Y tế - Nguy cơ dịch bệnh liên quan đến thiên tai, BĐKH	12
9. Y tế dự phòng- khả năng phòng ngừa dịch bệnh trong điều kiện thiên tai, BĐKH.....	12
10. Hiện trạng rừng và mức độ rủi ro với thiên tai và BĐKH	12
11. Hiện trạng sinh kế xung quanh rừng	13
12. Nguy cơ thiệt hại khi có thiên tai và BĐKH trong Hoạt động sản xuất kinh doanh.....	13
13. Hiện trạng hệ thống thông tin truyền thông và cảnh báo sớm	14
14. Hiện trạng công tác phòng chống thiên tai/thích ứng BĐKH	14
C. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI/BĐKH THEO LĨNH VỰC/NGÀNH	15
1. Kết quả đánh giá Hạ tầng công cộng (Điện, Đường, Trường, Trạm, Công trình Thủy lợi).....	15
2. Kết quả đánh giá về Nước sạch, vệ sinh và môi trường	18
3. Kết quả đánh giá về y tế	19
4. Kết quả đánh giá về giáo dục :.....	21
5. Kết quả đánh giá về rừng:.....	21
6. Kết quả đánh giá về trồng trọt.....	22
8.Kết quả đánh giá ngành thủy sản (đánh bắt và nuôi trồng.....	25
Nhận xét:.....	26
7. Kết quả đánh giá lĩnh vực du lịch – Xã Đức Thắng (không có du lịch).....	26

8. Kết quả đánh giá các ngành buôn bán nhỏ và ngành nghề dịch vụ khác.....	27
Nhận xét:.....	28
Cột 4: Với 309 hộ trong toàn xã tham gia buôn bán dịch vụ nhỏ, may mặc chủ yếu là nữ tham gia họ có tay nghề nên thu nhập tương đối ổn định; Đi làm ăn xa chủ yếu là nam giới tuy nhiên có một số gia đình cả 2 vợ chồng đều đi làm ăn xa ở nhà chỉ còn lại người cao tuổi và trẻ em, những gia đình này thường thiếu nhân lực mỗi khi thiên tai xảy ra, cơ sở giết mổ, nghề mộc, thợ xây có 70% nam, 30% nữ tham gia.	28
9. Kết quả đánh giá lĩnh vực thông tin truyền thông và cảnh báo sớm.....	28
10. Kết quả đánh giá lĩnh vực Phòng chống thiên tai/TƯBĐKH	29
D. TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ LIÊN NGÀNH & GIẢI PHÁP	32
2. Tổng hợp các giải pháp phòng, chống thiên tai/thích ứng BĐKH	37

Số: /BC-NHTKT

Đức Thắng, ngày 13 tháng 6 năm 2018

BÁO CÁO
ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI VÀ BIẾN ĐỔI KHÍ HẬU DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG
Xã Đức Thắng, huyện Mộ Đức, tỉnh Quảng Ngãi

Báo cáo này là kết quả tiến trình đánh giá rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu do cộng đồng thực hiện, chú trọng đến nhóm dễ bị tổn thương là trẻ em, phụ nữ, người cao tuổi, người khuyết tật và người nghèo trong khu vực rủi ro cao, ở các lĩnh vực đời sống và xã hội. Các phân tích rủi ro trong báo cáo và các ưu tiên khuyến nghị của nhóm dễ bị tổn thương là những cơ sở quan trọng cho việc xây dựng kế hoạch địa phương như kế hoạch phòng chống thiên tai, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và là đầu vào cho dự án GCF

A. GIỚI THIỆU CHUNG:

1. Vị trí địa lý

- Xã Đức Thắng là xã bãi ngang ven biển, nằm ở phía Đông Bắc huyện Mộ Đức, cách trung tâm huyện lỵ khoảng 17 km.

- Ranh giới hành chính được xác định như sau:

+ Phía Bắc giáp xã Nghĩa Hiệp, huyện Tư Nghĩa.

+ Phía Nam giáp xã Đức Chánh.

+ Phía Đông giáp Biển Đông.

+ Phía Tây giáp xã Đức Nhuận.

Địa hình: Xã Đức Thắng là xã đồng bằng của huyện Mộ Đức, địa hình tương đối bằng phẳng và được vun đắp phù sa bởi con sông Vệ, đất đai tương đối tốt, phù hợp với phát triển các loại cây trồng nông lâm nghiệp.

Tổng diện tích tự nhiên 1.181,07 ha; tổng số hộ trên địa bàn có 1.786 hộ. Địa bàn dân cư được phân bố trên 7 thôn; trong đó có 3 thôn Gia Hòa, Tân Định, Dương Quang giáp với biển Đông với chiều dài bờ biển 4,5 km; xã thuộc diện bãi ngang ven biển, vùng đặc biệt khó khăn của huyện Mộ Đức.

2. Đặc điểm khí hậu

TT	Điều kiện khí hậu (Chỉ số khí tượng thủy văn)	Đặc điểm		Ghi chú
		Đơn vị	Tháng xảy ra	
1	Nhiệt độ Trung bình	25,8	7,8, 9	
2	Nhiệt độ cao nhất	38	Tháng 5,6	
3	Nhiệt độ thấp nhất	16	Tháng 12, tháng 01	
4	Lượng mưa Trung bình	1.915m m	Mùa mưa từ tháng 9 đến tháng 2 năm sau. Tập trung chủ yếu tháng 10,11,12; Lượng mưa phân bố không đều giữa các vùng.	Mùa khô từ tháng 3-6
5	Lượng mưa Cực trị - cao nhất (mm)	300mm		

4. Xu hướng thiên tai, khí hậu

TT	Nguy cơ thiên tai, khí hậu phổ biến tại địa phương	Giảm	Giữ nguyên	Tăng lên	Dự báo BĐKH của Quảng Ngãi năm 2050 theo kịch bản RCP 8.5 (*)
1	Xu hướng hạn hán			X	
2	Xu hướng bão			X	
3	Xu hướng lũ			X	
4	Số ngày rét đậm			x	
5	Mức nước biển tại các trạm hải văn			X	Tăng 20cm
	Nguy cơ ngập lụt/nước dâng do bão			X	Vd: 86% diện tích – 1.181,07ha
	Một số nguy cơ thiên tai khí hậu khác xảy ra tại địa phương (giông, lốc, sụt lún đất, động đất, sóng thần)				

5. Hiện trạng Dân số

TT	Thôn	Số hộ			Số khẩu		
		Tổng	Nghèo	Cận nghèo	Tổng	Nam	Nữ
1	Dương Quang	409	52	72	880	528	352
2	Gia Hòa	240	25	26	396	238	158
3	Tân Định	198	20	27	446	268	178
4	An Tĩnh	240	21	25	682	410	272
5	Thanh Long	278	23	32	450	270	180
6	Đại Thạnh	78	7	14	510	305	205
7	Mỹ Khánh	343	31	37	315	189	126
Tổng cộng		1.786	179	233	3.679	2.208	1.471

6. Hiện trạng sử dụng đất đai¹

TT	Loại đất (ha)	Số lượng (ha)
I	Tổng diện tích đất tự nhiên	1.181,07
1	Đất Nông nghiệp	934,60
1.1	Diện tích Đất sản xuất Nông nghiệp	934,60
1.1.1	Đất trồng lúa	310
1.1.2	Đất trồng cây hàng năm (ngô, đậu, mì, rau các loại)	351
1.1.3	Đất trồng cây hàng năm khác	140
1.1.4	Đất trồng cây lâu năm	85,83
1.2	Diện tích Đất lâm nghiệp	231,46
1.2.1	Đất rừng sản xuất	140
1.2.2	Đất rừng phòng hộ (rừng trên cát)	103,46

¹ Phân loại theo luật đất đai 2013

1.2.3	Đất rừng đặc dụng	
1.3	Diện tích Đất nuôi trồng thủy/hải sản	5,4
1.3.1	Diện tích thủy sản nước ngọt	
1.3.2	Diện tích thủy sản nước mặn/lợ	5,4
1.4	Đất làm muối	0
1.5	Diện tích Đất nông nghiệp khác (Xây nhà kính phục vụ trồng trọt; xây dựng chuồng trại chăn nuôi gia súc, gia cầm; đất trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản cho mục đích học tập, nghiên cứu thí nghiệm; đất ương tạo cây giống, con giống và đất trồng hoa, cây cảnh).	
2	Nhóm đất phi nông nghiệp	213,32
3	Diện tích Đất chưa sử dụng	33,15
	Số % nữ đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với chồng Đất nông nghiệp Đất ở	20%

7. Đặc điểm và cơ cấu kinh tế:

TT	Loại hình sản xuất	Tỷ trọng kinh tế ngành/tổng GDP địa phương (%)	Số hộ tham gia hoạt động Sản xuất kinh doanh (hộ)	Năng suất lao động bình quân/hộ
1	Trồng trọt	35,5%	1.200	
2	Chăn nuôi	6,5%	800	
3	Nuôi trồng thủy sản	5 %	11	5,4(ha)
4	Lâm nghiệp	5%	64	
5	Đánh bắt hải sản	3%	30	7(tấn)
5	Sản xuất tiểu thủ công nghiệp:	10%	100	225triệu VND/năm/hộ
6	Buôn bán	20%	309	168triệu VND/năm/hộ
7	Du lịch	0	0	(triệu VND/năm)
8	Ngành nghề khác- Vd. Đi làm ăn xa, thợ hồ, dịch vụ vận tải.v.v	15%	320	190triệu VND/năm/hộ

B. ĐÁNH GIÁ NGUY CƠ VÀ ĐIỀU KIỆN DỄ TỒN THƯƠNG VỚI THIÊN TAI/BĐKH

1. Sơ họa bản đồ rủi ro thiên tai/BĐKH



Đức Thắng có phía Bắc giáp huyện Tư Nghĩa; Phía Đông giáp Biển Đông; Phía Tây giáp xã Đức Nhuận; Phía Nam giáp xã Đức Chánh phải chịu tác động của các loại hình thiên tai như: lũ, lụt, bão, sạt lở đất và hạn hán.

Lũ: Khi mưa to kéo dài, nước từ thượng nguồn đổ về nước dâng lên rất nhanh các vùng có nguy cao các hộ vùng trũng của 7 thôn: Mỹ Khánh, Thanh Long, An Tĩnh, Đại Thạnh, Tân Định, Dương Quang và Gia Hòa;

Lụt: Mưa dài ngày hàng tháng gây nên ngập, nước dâng lên từ từ và rút rất chậm; thời gian ngập nước cả tháng gây thiệt hại về hoa màu, trang thiết bị gia đình, ô nhiễm nguồn nước, ô nhiễm môi trường, ảnh hưởng đến sức khỏe, đời sống của người dân; Các khu vực bị ảnh hưởng chủ yếu là thôn Mỹ Khánh, Thanh Long, An Tĩnh, Đại Thạnh và Gia Hòa;

Bão, ATNĐ: Bão ít đổ bộ vào địa phương, nhưng xã Đức Thắng lại thường bị ảnh hưởng của bão , mưa to, nước từ thượng nguồn về gây nên lũ;

Hạn hán: Do tác động của BĐKH và nắng nóng kéo dài gây hạn hán, ảnh hưởng đến hoạt động trồng trọt và chăn nuôi trên địa bàn xã.

2. Tóm tắt kết quả bản đồ vùng nguy cơ thiên tai/BĐKH dựa trên bản đồ sơ họa

STT	Loại Thiên tai ² /BĐKH ³ phổ biến (Bão, Lũ, Hạn, Nước Biển dâng, v.v.)	Thôn có nguy cơ xảy ra thiên tai	Mức độ/Cấp độ thiên tai cao nhất đã xảy ra (Cao, Thấp, Trung bình)	Xu hướng thiên tai (tăng lên, giữ nguyên, giảm đi)
1	Lũ	Toàn xã	- Mức độ cao	Xảy ra đột ngột, nước dâng

² Các loại hình thiên tai theo Luật PCTT: bão, áp thấp nhiệt đới, lốc, sét, mưa lớn, lũ, lũ quét, ngập lụt, sạt lở đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, sụt lún đất do mưa lũ hoặc dòng chảy, nước dâng, xâm nhập mặn, nắng nóng, hạn hán, rét hại, mưa đá, sương muối, động đất, sóng thần và các loại thiên tai khác

³ Biểu hiện biến đổi khí hậu bao gồm nhiệt độ trung bình tăng lên, nước biển dâng, lượng mưa và thiên tai thay đổi về tần suất, mức độ trầm trọng và thời gian xảy ra trong thời gian dài

				lên nhanh, xu hướng xảy ra thất thường khó dự đoán
2	Lụt	5 thôn Thanh Long, Mỹ Khánh, An Tĩnh, Đại Thạnh và Gia Hòa	Mức độ trung bình	-Mưa kéo dài hàng tháng nước dâng lên từ từ; -Xu hướng 2-3 năm lại xảy ra lụt
3	Bão (ảnh hưởng của bão)	7 thôn Thanh Long, Mỹ Khánh, An Tĩnh, Đại Thạnh, Dương Quang, Tân Định và Gia Hòa	Mức độ thấp	Nước dâng lên nhanh
4	Hạn hán	3 thôn Dương Quang, Gia Hòa và Tân Định	Mức độ thấp	Nắng nóng kéo dài Nhiệt độ tăng
5	Giông sét	07 thôn	Mức trung bình	Tăng

3. Lịch sử thiên tai/BĐKH

Tháng/năm xảy ra	Loại thiên tai/BĐKH	Số thôn bị ảnh hưởng	Thiệt hại chính	Số lượng
11/2013	Lũ lụt	Toàn xã	1.Nhà bị thiệt hại	03 nhà
			2. Nhà bị ngập	1.267 nhà
			2.Số km đường giao thông bị chia cắt gồm 5 tuyến	7 km
			3.Số diện tích bị thiệt hại: sa bồi thủy phá, 18ha màu bị thiệt hại hoàn toàn	35 ha
			4.Số ao hồ bị thiệt hại;	1 ha
			5. 40% cây ăn quả bị thiệt hại	40%
			6. Trôi ướn lương thực, vật dụng gia đình bị hư hỏng	654 tấn lương thực
			7.Gia súc, gia cầm bị chết, trôi	1.345
			8.Cơ sở xay xát lúa bị ngập hư hỏng máy, móc	9 cái
	Ước tính thiệt hại:			
2016	Mưa kéo dài, nước dâng lên từ từ (ngập nước đồng lau)	Toàn xã	1.Nhà bị ngập	234 nhà
			2.Lúa bị ướn.	2 tấn
			3.Cơ sở xay xát lúa bị ngập hư hỏng máy, móc	0
			4.Hoa màu bị thiệt hại	50ha
			5.Gia súc, gia cầm bị chết, trôi	500 con
			6. Số người bị thương	02 người
			Ước tính thiệt hại	

4.Nhóm dễ bị tổn thương:

TT	Thôn	Đối tượng dễ bị tổn thương												
		Trẻ em dưới 5 tuổi		Trẻ em từ 5-16 tuổi		Phụ nữ có thai*	Người cao tuổi		Người khuyết tật		Người dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa		Người bị bệnh hiểm nghèo	
		Nữ	Tổng	Nữ	Tổng		Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng	Nữ	Tổng
1	Dương Quang	32	68	60	118	19	27	52	40	91			2	5
2	Gia Hòa	21	42	38	87	15	15	31	34	80			1	4
3	Tân Định	30	43	26	65	14	12	29	25	60			3	6
4	An Tĩnh	19	38	31	63	18	10	21	32	65			2	5
5	Thanh Long	23	45	39	74	13	14	33	34	70			3	7
6	Đại Thạnh	4	10	9	20	11	3	8	3	7			1	3
7	Mỹ Khánh	24	50	42	97	25	16	38	36	85			2	4
	Tổng cộng	153	296	245	524	115	97	212	204	458			14	34

5.Đánh giá hạ tầng và dịch vụ công cộng

TT	Hạng mục	ĐVT	Số lượng	Chất lượng chống chịu với thiên tai khí hậu (Cao, Trung Bình, Thấp)	Năm xây dựng	Nguy cơ xảy ra thiên tai/BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Ghi chú
1	Trường mầm non	Phòng	15	Cao	2015, 2016	Rủi thấp	Kiên cố
2	Trường học tiểu học	Phòng	23	Trung bình	2004, 2012	Rủi ro thấp	Kiên cố 50%
3	Trường THCS	Phòng	16	Cao	1997,2008	Rủi ro thấp	Kiên cố 70%
4	Trạm y tế/ Phòng khám	Phòng	12	Cao	2015	Rủi ro thấp	Kiên cố
5	Đường điện	Km	36,1	Trung bình	1993,2010	Rủi ro thấp	
6	Đường giao thông	Km	36,968	Trung bình		Trung bình	
6.1	Đường liên xã	Km	16,25	Trung bình	2001-2017	Rủi ro trung bình	Đã được bê tông hóa 4.230 m, còn lại là đường đất.

6.2	Đường Liên thôn	Km	15,566	Thấp	2011, 2012	Rủi ro cao	Đã được bê tông hóa 3.048m, còn lại là đường đất
6.3	Đường giao thông ngõ xóm	Km	10,403	Thấp		Rủi ro cao	Đường đất
6.4	Đường nội đồng		15,4	Thấp	2016,2017	Rủi ro cao	Đã cứng hóa 2.202 m, còn lại đường đất.
7	Trụ sở UBND	Phòng	30	Cao	2005	Thấp	kiên cố 50%.
8	Nhà văn hóa xã/thôn	Nhà	6	Trung bình	2008-2010	Trung bình	Nhà cấp 4, 01 thôn chưa có nhà văn hóa
9	Chợ	Cái	01	Thấp	2012	Trung bình	Đã được đầu tư xây dựng

Nhận xét: Nhìn chung về hiện trạng hạ tầng cơ sở và dịch vụ công cộng xã Đức Thắng chưa phát triển so với mặt bằng chung của toàn huyện, tỷ lệ cứng hóa đường giao thông hóa còn thấp so với tiêu chí nông thôn mới. Các công trình và dịch vụ công cộng chưa đạt tỷ lệ so với tiêu chí nông thôn mới.

5. Đánh giá hiện trạng nhà ở

TT	Tên thôn	Số hộ	Nhà kiên cố	Nhà bán kiên cố (mái, cột, móng, tường không kiên cố)	Thiếu kiên cố	Nhà tạm bợ	Nhà ở các khu vực cần di dời (sạt lở, lũ quét, nước biển dâng v.v)	Số hộ cần được hỗ trợ làm nhà
1	Dương Quang	409	19	140	250		13	3
2	Gia Hòa	240	10	130	100		16	2
3	Tân Định	198	11	47	140		11	2
4	An Tĩnh	240	8	120	112		62	3
5	Thanh Long	278	50	98	130		43	2
6	Đại Thạnh	78	5	18	55		28	1
7	Mỹ Khánh	343	40	123	180		68	3
Tổng		1.786	143	676	967		241	16

Nhận xét: Nhìn chung tỷ lệ nhà ở xã Đức Thắng thiếu kiên cố chiếm tỷ lệ trên 54%, bán kiên cố chiếm tỷ lệ 37%, đây là điều kiện khó khăn xã nhà dễ bị rủi ro khi thiên tai xảy ra. Đặc biệt có 13,4% số nhà

ở gần khu vực sạt lở dễ bị ảnh hưởng và gây khó khăn trong công tác di dời khi thiên tai xảy ra. Toàn xã có 16 nhà cần hỗ trợ làm mới, hiện nay đã có 05 nhà đang triển khai thực hiện.

6. Số lượng nhà trong vùng có nguy cơ thiên tai và BĐKH⁴

TT	Loại nhà	Tổng số nhà	Số nhà thuộc vùng rủi ro cao với thiên tai, BĐKH (*)	Số nhà thuộc vùng rủi ro trung bình với thiên tai, BĐKH (*)	Số đối tượng dễ bị tổn thương trong từng loại nhà
1	Nhà tạm bợ	0	0	0	0
2	Nhà thiếu kiên cố	676	473	203	574
3	Nhà bán kiên cố	967	725	242	874
4	Nhà kiên cố	143	90	53	211
	Tổng số	1.786	1.288	498	1.639

7. Điều kiện Nước sạch, vệ sinh và môi trường

Tên thôn	Số hộ	Nguồn nước sạch					Nhà vệ sinh			
		Giếng	Bể chứa	Trạm cấp nước công cộng/nước máy/Tự chảy	Không có dụng cụ chứa	Nguy cơ thiệt hại khi có thiên tai/BĐKH (Cao, Trung bình, Thấp)	Tự hoại	Tạm	Không có	Nguy cơ rủi ro thiệt hại khi có thiên tai/BĐKH (Cao, Trung bình, Thấp)
Dương Quang	409		409	0		Trung bình	315	89	25	Thấp
Gia Hòa	240		240	0		Trung bình	210	25	5	Thấp
Tân Định	198		198	0		Trung bình	196	30	12	Thấp
An Tĩnh	240		45	195		Thấp	180	48	12	Thấp
Thanh Long	278		68	210		Thấp	156	90	22	Thấp
Đại Thành	78		28	50		Thấp	45	22	11	Thấp
Mỹ Khánh	343		126	215		Thấp	180	20	12	Thấp
Tổng	1.786		1.114	670			1.287	324	77	

Nhận xét: Xã có 670 /1786 hộ sử dụng trạm cấp nước công cộng, còn lại 1.116 hộ sử dụng giếng khoan; 77 hộ không có nhà vệ sinh chủ yếu thuộc các hộ nghèo, cận nghèo, 100% các hộ không có dụng cụ chứa nước dự trữ; khi thiên tai xảy ra các hộ không có nước để sinh hoạt; Nhận thức của

⁴ Phục vụ dự án GCF

người dân về bảo vệ nguồn nước còn hạn chế, chủ quan chưa chủ động bảo vệ nguồn nước sinh hoạt cho gia đình và cộng đồng

8. Y tế - Nguy cơ dịch bệnh liên quan đến thiên tai, BĐKH

TT	Loại dịch bệnh phổ biến	Trẻ em	Phụ nữ	Nam giới	Trong đó Người cao tuổi	Trong đó Người khuyết tật
1	Sốt rét	15	8	0	3	1
2	Sốt xuất huyết	21	7	2	4	2
3	Viêm đường hô hấp	45	24	12	10	14
4	Tay chân miệng	7	3	4	2	3
5	Bệnh ngoài da...	34	13	15	14	5

9. Y tế dự phòng- khả năng phòng ngừa dịch bệnh trong điều kiện thiên tai, BĐKH

TT	Tên Thôn	Khả năng và kiến thức phòng ngừa dịch bệnh	Mức độ xảy ra dịch bệnh (Cao, Trung Bình, Thấp)
1	Mỹ Khánh	Trung Bình	Cao
2	Thanh Long	Trung Bình	Cao
3	An Tĩnh	Trung Bình	Cao
4	Đại Thanh	Trung Bình	Cao
5	Tân Định	Trung bình	Cao
6	Dương Quang	Trung Bình	Cao
7	Gia Hòa	Trung Bình	Cao

10. Hiện trạng rừng và mức độ rủi ro với thiên tai và BĐKH⁵

Loại rừng	Tổng diện tích (ha)	Diện tích rừng thuộc vùng rủi ro cao với thiên tai, BĐKH (*)	Diện tích rừng thuộc vùng rủi ro trung bình với thiên tai, BĐKH (*)
1	2	3	4
Rừng ngập mặn		0	
Rừng trên cát (Cây phi lao)	103,46	103,46	Cao
Rừng tự nhiên		0	
Rừng khác	140	140	
Diện tích quy hoạch trồng rừng ngập mặn nhưng chưa trồng		0	

⁵ Phục vụ cụ thể cho dự án GCF

Diện tích quy hoạch trồng rừng trên cát nhưng chưa trồng	0	0	
Tổng	243,46	243,46	

11. Hiện trạng sinh kế xung quanh rừng⁶

Loại rừng	Liệt kê tên các loại cây được trồng bản địa hoặc loại cây do cộng đồng đề xuất mới (nếu cần thiết)	Liệt kê 3 mô hình sinh kế trong rừng ngập mặn do cộng đồng đề xuất triển khai tại xã (ưu tiên các mô hình đã thí điểm thành công)	Số hộ đã hoặc có thể tham gia vào mỗi loại mô hình sinh kế
(1)	(2)	(3)	(4)
Rừng ngập mặn			
Rừng trên cát (Rừng phòng hộ)	Phi lao (Cây dương liễu)		
Rừng tự nhiên	Không có		
Rừng khác	Không có		
Diện tích quy hoạch trồng rừng ngập mặn nhưng chưa trồng	Không có		
Diện tích quy hoạch trồng rừng trên cát nhưng chưa trồng (trồng xen vào diện tích rừng hiện có);	4 ha		
Tổng			

12. Nguy cơ thiệt hại khi có thiên tai và BĐKH trong Hoạt động sản xuất kinh doanh

TT	Loại hình sản xuất	Số hộ tham gia SXKD tại xã	Ước tính năng suất/Khối lượng SX hàng năm theo bình quân hộ	Khả năng chống chịu với thiên tai & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Mức độ thiệt hại khi có tác động của thiên tai và khí hậu (Cao, Trung Bình, Thấp)
1	Trồng trọt (ha)	1.200	55 tạ/hộ/năm	Trung bình	Cao
2	Chăn nuôi	800	1,30 tấn/hộ/năm	Trung bình	Trung bình
3	Nuôi trồng thủy sản (ha)	11	7 tấn/hộ/năm	Thấp	Cao
4	Đánh bắt hải sản (tấn)	30	01 tấn/hộ/năm	Thấp	Cao
5	Sản xuất tiểu thủ công	100	225	Trung bình	Thấp

⁶ Phục vụ cho dự án GCF

	ngiệp (thu nhập bình quân)		triệu/hộ/năm		
6	Buôn bán (thu nhập bình quân)	309	168 triệu/hộ/năm	Trung bình	Trung bình
7	Du lịch	0			Không có
8	Ngành nghề khác- VD. Đi làm ăn xa, thợ nề, dịch vụ vận tải.v.v (thu nhập bình quân)	320	190 triệu/hộ/năm	Trung bình	Trung bình

Nhận xét: Xã Đức Thắng là một trong những xã hàng năm chịu nhiều ảnh hưởng của thiên tai. Năm khu vực trũng thấp, sát ven sông nên về hoạt động sản xuất kinh doanh luôn luôn bị ảnh hưởng khi thiên tai xảy ra, cụ thể: Trồng trọt có 67% hộ tham gia, 44,7% hộ tham gia chăn nuôi, 0,6% hộ nuôi trồng thủy sản, 1,6 đánh bắt hải sản%. Đây là những hoạt động chịu tác động của thiên tai rất lớn gây ra thiệt hại khi có thiên tai xảy ra

13. Hiện trạng hệ thống thông tin truyền thông và cảnh báo sớm

TT	Loại hình	ĐVT	Số lượng
1	Số hộ dân có ti vi và tiếp cận với truyền hình TW/Tỉnh	%	99
2	Số hộ dân có thể tiếp cận với các đài phát thanh TW/tỉnh	%	80
3	Số loa phát thanh (không dây, mạng lưới)	Cụm	31
4	Số hộ dân được tiếp cận với các hệ thống loa phát thanh hoặc các hình thức cảnh báo sớm/khẩn cấp khác (còi ủa, công, chiêng, v.v.) tại thôn	%	80
5	Số trạm khí tượng, thủy văn		0
6	Số thôn được thông báo/nhận được báo cáo cập nhật định kỳ về diễn biến điều tiết và xả lũ khu vực thượng lưu (các tuyến hồ chứa phía thượng lưu).	Thôn/Tổng số thôn	07/07 thôn
7			

Nhận xét: Nhìn chung hệ thống thông tin và cảnh báo sớm xã Đức Thắng đáp ứng yêu cầu cảnh báo thiên tai, thông tin xả lũ đã thông báo đến các KDC trên toàn địa bàn xã; 80% hộ dân được nghe thông tin trên hệ thống loa truyền thanh của xã, còn lại 20% hộ dân chưa được tiếp cận thông tin; Khi thiên tai xảy ra có các lực lượng xung kích của xã đến hỗ trợ kịp thời cho người dân. Hiện nay địa phương thường chuyển tải các thông tin đến người dân bằng hệ thống loa, thông qua các hội nghị để triển khai. Các đối tượng DBTT thường nắm bắt thông tin qua các thành viên trong gia đình và lực lượng cứu hộ cứu nạn, đội xung kích đến hỗ trợ;

14. Hiện trạng công tác phòng chống thiên tai/thích ứng BĐKH

TT	Loại hình	ĐVT	Số lượng
1	Số lượng thôn có kế hoạch/phương án Phòng chống thiên tai và/hoặc kế hoạch thích ứng BĐKH hàng năm	Thôn	7/7 thôn có kế hoạch (Thực hiện theo kế hoạch PCTT, BĐKH của xã)
2	Số lượng trường học có kế hoạch PCTT hàng năm	Trường	3/3 trường có kế hoạch riêng thực hiện theo kế hoạch PCTT, BĐKH xã
3	Số lần diễn tập PCTT trong 10 năm qua	Lần	02
4	Số thành viên Ban chỉ huy PCTT và TKCN của xã	Người	22
	Trong đó số lượng nữ	Người	3
	Số lượng đã qua đào tạo QLRRTT-DVCĐ hoặc đào tạo	Người	245

	tương tự về PCTT		
5	Số lượng lực lượng thanh niên xung kích, chữ thập đỏ, cứu hộ-cứu nạn tại xã (Đội cứu hộ cứu nạn)	Người	31
	Trong đó số lượng nữ:	Người	10
6	Số lượng Tuyên truyền viên PCTT/TUĐDKH dựa vào cộng đồng	Người	02
	Trong đó số lượng nữ:	Người	0
7	Số lượng Phương tiện PCTT tại xã:		
	Ghe, thuyền:	Chiếc	6
	Áo phao	Chiếc	50
	Phao cứu sinh	Chiếc	40
	Loa	Chiếc	12
	Đèn pin	Chiếc	45
	Máy phát điện dự phòng	Chiếc	01
	Lều bạt	Chiếc	02
	Xe vận tải	Chiếc	7
	Cưa máy	Cái	02
8	Số lượng vật tư thiết bị dự phòng		
	Số lượng gói/đơn vị hóa chất khử trùng tại chỗ	Đơn vị	15kg CloraminB
9	Số lượng thuốc y tế dự phòng tại chỗ	Đơn vị	01
10	Một số loại vật tư khác		

C. KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI/BĐKH THEO LĨNH VỰC/NGÀNH

1. Kết quả đánh giá Hạ tầng công cộng (Điện, Đường, Trường, Trạm, Công trình Thủy lợi)

Loại hình Thiên tai/BĐKH (v.d. Lũ, Bão, Sạt lở, Hạn, Giông lốc, nước biển dâng, xu hướng thiên tai cực đoan hơn v.v.)	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại (tăng, giữ nguyên, giảm)	TTDBTT (Số công trình có nguy cơ bị ảnh hưởng do thiên tai/BĐKH)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUĐDKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH H (cao, trung bình, thấp)
(1)	(2)	(4)	(4)	(5)	(6)
Lũ, lụt	7/7 thôn	Tăng hơn so với trước đây	* Giao thông - Đường giao thông ngõ, xóm chưa được bê tông hóa: 10,403 km (chiếm 100%). - Đường giao thông nội đồng chưa được cứng hóa: 13,919km (chiếm 85,07%). - Thiếu hệ thống cống thoát nước tại thôn An Tĩnh, Thanh Long, Mỹ	Trung bình	Trung bình
Bão		Số lần đổ bộ trực tiếp thấp hơn so với			

		trước đây	Khánh, Tân Định, Dương Quang. * Kênh mương thủy lợi chưa kiên cố hóa 24km(84,22%). * Hệ thống điện chiếu sáng trong thôn, ngõ xóm chưa đảm bảo (50%) - Đường giao thông thôn, xóm chưa được bê tông hoá: 10,403 km (100%). - Thiếu hệ thống cống thoát nước tại các thôn - Tổng chiều dài kênh mương chưa được kiên cố hoá: 24km (chiếm 84,3%)		
--	--	-----------	---	--	--

Nhận xét:

Cột 4: Tình trạng dễ bị tổn thương: Đức Thắng là xã đang phấn đấu đạt tiêu chí nông thôn mới trong năm 2019 ; về cơ sở hạ tầng tương đối đảm bảo:

- Hệ thống giao thông của xã cơ bản mở rộng từ 6m trở lên bảo cho dân sinh và phòng chống thiên tai, BĐKH. Hiện nay còn nhiều tuyến đường, xã, thôn, đường ngõ xóm và đường giao thông nội đồng chưa được bê tông hóa, hệ thống cống thoát nước thải chưa được đầu tư xây dựng, trùng thấp; Bên cạnh đó 8km đường tỉnh lộ chạy qua đã được kiên cố tuy nhiên khi thiết kế thi công có đoạn không có hệ thống cống tiêu nước; mưa dài ngày gây ngập úng cục bộ (Địa phương đã đề xuất nhiều lần nhưng chưa được xem xét);

- Hệ thống kênh mương còn 84,22% chưa được kiên cố hóa, hệ thống cống thoát nước qua đường tỉnh lộ chưa có thường gây ngập úng cục bộ khi mưa dài ngày;

- Dọc theo 4,5km bờ biển qua xã được bảo vệ bởi rừng phi lao và bờ cát cao từ 3-4m tạo nên vành đai chắn sóng, chắn gió.

- Hệ thống điện : Cột điện từ cột chính vào các hộ gia đình đều tạm bợ, dễ bị ngã, đổ chưa được đầu tư xây dựng rủi ro thiên tai rất cao.

Cột 5: Năng lực, kỹ năng: Trụ sở UBND xã gồm 2 tầng với 18 phòng làm việc; 03 điểm trường Mầm non 02 tầng, 03 điểm trường tiểu học, 01 điểm Trường THCS, 01 trạm y tế 2 tầng với 8 phòng,- Nhà văn hóa xã, bưu điện xã được xây dựng kiên cố hóa, Các 1.592 hộ dân có kiên cố có khả năng làm nơi trú ẩn an toàn cho mọi người; Đường liên xã đã được kiên cố hoá; 06 tuyến với tổng chiều dài là 4,23km., Đường liên thôn đã được bê tông hoá 19,58% gồm 10 tuyến với chiều dài 3,048km; Đường ngõ xóm với tổng chiều dài 10,403 km, đường trục chính nội đồng: Tổng số tuyến đường được quy hoạch: 22 tuyến, với tổng chiều dài 15,4 km, đã được cứng hóa, đảm bảo xe cơ giới đi lại thuận tiện 2,3 km, đạt tỷ lệ 14,93%; Có rừng phòng hộ ở Dương Quang và Tân Định 91,46 ha chắn sóng, chắn gió; Với 4,5 km bờ biển được bờ cát tạo nên đê có độ cao chừng 3m nên không bị ảnh hưởng bởi nước biển dâng;

Hệ thống điện sáng: Lưới điện toàn bộ các khu vực trên địa bàn xã được kết nối với lưới điện quốc gia; Xã có dịch vụ viễn thông, internet. Tất cả 07 thôn đều có hệ thống viễn thông và được phủ sóng các mạng di động: Vinaphone, Viettel, Mobiphone.

Cột 6 Rủi ro thiên tai: 3,7 km xã, thôn và 5,7km đường giao thông liên xóm, giao thông nội đồng bị sạt lở khi thiên tai xảy ra; Cống thoát nước tại thôn Mỹ Khánh, Gia Hòa, Tân Định có thể bị hư hỏng khi thiên tai xảy ra; 10,23 km kênh mương có thể bị sạt lở hư hỏng khi thiên tai xảy ra; Hệ thống đường điện chiếu sáng bị hư hỏng khi thiên tai xảy ra.

***Kết quả đánh giá về nhà ở:**

Loại hình Thiên tai/BĐKH <i>(v.d. Lũ, Bão, Sạt lở, Hạn, Giông lốc, nước biển dâng, xu hướng thiên tai cục đoan hơn v.v.)</i>	Thôn n/Số hộ	Xu hướng thiệt hại (tăng, giữ nguyên, giảm)	TTDBTT/Nguy cơ bị thiệt hại khi có thiên tai/BĐKH <i>(Số lượng nhà có nguy cơ bị ảnh hưởng)</i>	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH <i>(Cao, Trung Bình, Thấp)</i>	Rủi ro thiên tai/BĐKH <i>(cao, trung bình, thấp)</i>
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Lũ, lụt Bão Giông sét	7/7 thôn	Tăng	Nhà ở: Nhà bán kiên cố 676 Nhà thiếu kiên cố: 967 Nhà đơn sơ: 0 + Nhà ở khu vực có nguy cơ cao cần phải di dời: 1.288 nhà. Trong đó : - Nhà bán kiên cố: 725 - Nhà kiên cố: 90 - Nhà thiếu kiên cố : 473 + Nhà nằm ở khu vực có nguy cơ rủi ro trung bình: 498 - Nhà thiếu kiên cố: 203 - Nhà bán kiên cố 242 - Nhà kiên cố : 53 - Trường tiểu học Đức Thắng : 04 phòng học chưa đảm bảo - Nhà văn hóa thôn: có 03 nhà văn hoá thôn chưa được xây dựng kiên cố (Đại Thạnh, Tân Định, Gia Hòa). Riêng nhà văn hóa thôn An Tĩnh chưa có - Số hộ cần được hỗ trợ làm nhà 22 hộ nằm ở 7/7 thôn. - Một số hộ còn chủ quan, thiếu kiến thức về PCTT, Thích ứng BĐKH. - Kinh tế các hộ có nhà kém an toàn còn khó khăn không có tiền để làm nhà; Một số hộ ốm đau bệnh hiểm nghèo... - Số hộ cần được hỗ trợ làm nhà theo Quyết định 48 là 30 nhà. Trong đó: Thôn Tân Định: 02 nhà; Mỹ Khánh: 05 nhà, Thanh Long : 02	Trung bình	Cao

			nhà, An Tĩnh: 04 nhà, Đại Thanh: 03 nhà, Gia Hòa: 6 nhà, Dương Quang: 8 nhà		
--	--	--	---	--	--

Nhận xét:

Cột 4: Tình trạng dễ bị tổn thương: Toàn xã có: 1.643/1.786 nhà bán kiên cố và thiếu kiên cố; 1.288 hộ nằm ở vùng trũng, thấp có nguy cơ rủi ro cao, 498 nhà nằm trong vùng có nguy cơ rủi ro trung bình bởi các loại hình thiên tai lũ, lụt. Nhà ở của các hộ dân có nguy cơ sập đổ, hư hỏng khi thiên tai xảy ra và đặc biệt với tác động của BĐKH hiện nay làm cho các loại hình thiên tai phức tạp hơn, khó lường; Khi mưa kéo dài kết hợp lũ từ thượng nguồn thì nguy cơ nhà bị hư hỏng, sập là rất cao.

Cột 5: Năng lực, kỹ năng: Nhà kiên cố: 143 nhà. Trong đó Dương Quang: 19, An Tĩnh: 08, Gia Hòa: 10, Tân Định; 11, Đại Thanh: 5, Thanh Long: 50, Mỹ Khánh : 40; Trong đó có 90 nhà kiên cố ở khu vực nguy cơ cao và 53 nhà kiên ở khu vực rủi ro trung bình được sử dụng để làm nơi tránh trú khi thiên tai xảy ra; Trụ sở UBND xã, Trường học là nơi tránh trú an toàn. 80% hộ dân nghe thông tin dự báo, cảnh báo thiên tai từ phía chính quyền địa phương và trên các phương tiện thông tin đại chúng; Tổ chức chằng chống nhà cửa; chặt tỉa cành cây xung quanh nhà.

Cột 6: Nhà có nguy cơ bị sập đổ, hư hỏng khi có thiên tai

2. Kết quả đánh giá về Nước sạch, vệ sinh và môi trường

Loại hình Thiên tai/BĐKH (v.d. Lũ, Bão, Sạt lở, Hạn, Giông lốc, nước biển dâng, xu hướng thiên tai cực đoan hơn v.v.)	Thôn	Số hộ	Xu hướng thiệt hại (tăng, giữ nguyên, giảm)	TTDBTT/Nguy cơ bị ảnh hưởng (Số hộ dân có nguy cơ bị thiếu nước sạch và không đảm bảo vệ sinh khi có thiên tai)	Kỹ năng, kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (cao, trung bình, thấp)
(1)	(2)	(3)		(4)	(5)	(6)
Lũ, lụt Bão	7 thôn	1.786	Tăng	- 1.288 hộ nằm trong vùng trũng thấp; - 50 hộ nhà vệ sinh không hợp vệ sinh; - Đa số hộ dân chưa có bể để dự trữ nước sinh hoạt trước khi thiên tai xảy ra - Công tác tuyên truyền cho các hộ dân bảo vệ nguồn nước và dự trữ nước sinh hoạt trước khi thiên tai xảy ra chưa được chú trọng -Thiếu nhân lực đặc biệt các hộ neo đơn, hộ khuyết tật,.. do lực lượng lao động chính đi làm ăn xa - 342 hộ có nguy cơ bị	Trung bình	Cao

				<p>ô nhiễm nguồn nước; nhà vệ sinh ô nhiễm môi trường</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho người dân về sức khỏe, nước sạch vệ sinh, môi trường còn hạn chế, chưa được làm thường xuyên; - Sự phối hợp giữa các ban, ngành về vận động người dân thu gom rác thải còn hạn chế. - Số hộ chưa có nhà tiêu hợp vệ sinh 77; - 2%% hộ dân chưa có giếng khoan ; - Sử dụng giếng khoan nên khi mất điện là mất nước sinh hoạt - Thu gom rác thải 2 ngày 1 tuần, một số ngõ xóm xe thu gom rác thải không vào được; - Đa số người dân còn có thói quen vứt vỏ chai thuốc BVTV bừa bãi, không đúng nơi quy định. - Một số hộ dân chưa chấp hành nghĩa vụ đóng tiền thu gom rác. - Ý thức bảo vệ môi trường của một số hộ dân chưa cao 		
--	--	--	--	--	--	--

Nhận xét:

Cột 4: Tình trạng dễ bị tổn thương: Địa bàn xã là khu vực trũng, thấp khi mưa kéo dài gây nên lụt nước dâng lên cao khoảng 1-1,2 mét, thời gian ngập úng ít nhất là 15 ngày; rác thải, nước thải sinh hoạt khu dân cư không tiêu thoát được gây nên ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt vì vậy nguy cơ thiếu nước sinh hoạt, bệnh ngoài da và tiêu hóa ở người xảy ra trong và sau khi lụt xảy ra là rất cao.

Cột 5: Năng lực, kỹ năng: Trạm y tế được xây dựng với quy mô 02 tầng và 12 phòng bệnh. Trạm y tế đạt chuẩn quốc gia, có trang thiết bị khám chữa bệnh thông thường; Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế đạt 100% .

- Có 98 % Hộ dân được sử dụng nước giếng khoan và trạm nước sạch, Có hệ thống thu gom rác. hợp vệ sinh (chiếm 80%); Có 1.401 hộ có nhà tiêu, nhà tắm và bể chứa, Tỷ lệ hộ được sử dụng nước hợp vệ sinh từ 95% trở lên và tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch đạt từ 60% trở lên; Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi. Có 34 công bi trên đường ra các cánh đồng trên địa bàn xã để thu gom rác thải, vỏ thuốc BVTV trường đạt 100%.

Cột 6: Rủi ro thiên tai: Ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt khi thiên tai xảy ra; Dịch bệnh ở người, gia súc, gia cầm sau thiên tai.

3. Kết quả đánh giá về y tế

Loại hình Thiên tai/BĐKH	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại	TTDBTT	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật	Rủi ro thiên tai/BĐKH
--------------------------	------------	--------------------	--------	-----------------------------	-----------------------

<i>(v.d. Lũ, Bão, Sạt lở, Hạn, Giông lốc, nước biển dâng, xu hướng thiên tai cực đoan hơn v.v.)</i>		(tăng, giữ nguyên, giảm)		áp dụng để PCTT & TUBDKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	<i>(cao, trung bình, thấp)</i>
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Lũ,lụt	7/7 thôn thôn	Tăng	<ul style="list-style-type: none"> - Công tác tuyên truyền khuyến cáo về dịch bệnh chưa được làm thường xuyên - Thiếu cơ sở thuốc điều trị bệnh khi khẩn cấp và xử lý nguồn nước sau lũ - Đa số người dân chưa có kiến thức phòng bệnh đặc biệt là các bệnh thường phát sinh sau thiên tai. - Thiếu bác sỹ, phòng khám chuyên khoa - Xã xa trung tâm huyện - Trang thiết bị y tế còn thiếu đặc biệt là trang thiết bị khám chữa bệnh - Thiếu cơ sở thuốc xử lý nguồn nước sau lũ (CloraminB). - Thuốc để phục vụ cho khám chữa bệnh của người dân còn chưa đảm bảo; - Tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng, thấp còi chiếm 8,6 %. - Đội ngũ y, bác sỹ còn thiếu chưa đáp ứng được việc khám chữa bệnh của người dân; 	Trung bình	Cao

Nhận xét:

Cột 4: Tình trạng dễ bị tổn thương: Đội ngũ cán bộ chuyên môn có 01 Bác sỹ, 01 Y sỹ, 01 nữ hộ sinh, 02 điều dưỡng có khả năng tiếp cận khoa học kỹ thuật cao, tuy nhiên trang thiết bị phục vụ cho khám chữa bệnh mới đáp ứng được những bệnh thông thường; Chưa có bác sỹ chuyên khoa, đặc biệt là chuyên khoa sản chưa có nên khi chị em phụ nữ mắc các bệnh về phụ khoa thường phải lên tuyến trên để khám và điều trị gây khó khăn cho chị em phụ nữ có hoàn cảnh khó khăn khi điều trị

Cột 5: Năng lực, kỹ năng: Có 01 Bác sỹ, 01 Y sỹ, 1 nữ hộ sinh, 02 Điều dưỡng có khả năng tiếp cận khoa học kỹ thuật cao, 100% người dân có chế độ bảo hiểm y tế (xã bãi ngang); Một số hộ đã có kiến thức khám sức khỏe định kỳ, biết sử dụng sản phẩm sạch; Thực hiện tốt chủ trương Dân số kế hoạch hóa gia đình; Thực hiện tốt chủ trương dân số kế hoạch hóa gia đình;

Cột 6: Rủi ro thiên tai: Một số bệnh tật hiểm nghèo, bệnh người già, trẻ em, phụ nữ có nguy cơ mắc bệnh cao;

4. Kết quả đánh giá về giáo dục :

Loại hình Thiên tai/BĐKH (v.d. Lũ, Bão, Sạt lở, Hạn, Giông lốc, nước biển dâng, xu hướng thiên tai cục đoạn hơn v.v.)	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại (Tăng, Giảm, Giữ nguyên, Giảm)	TTDBTT	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng đề PCTT & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Lũ, lụt Bão	7/7 thôn - 01 trường THCS gồm 16 phòng, 23 giáo viên và 430 học sinh. - Trường tiểu học 01 điểm gồm 18 phòng, có 38 giáo viên và 448 học sinh. - Trường mầm non có 2 điểm trường, 15 phòng, 25 giáo viên và 260 học sinh.	Trung bình	- Các trường học chưa được đầu tư trang thiết bị PCTT như: áo phao, phao cứu sinh, máy điện, loa cầm tay, đèn pin... - Giáo viên và học sinh các trường chưa được tập huấn kiến thức PCTT, BĐKH và kỹ năng sơ cấp cứu, giới, giới tính và nhạy cảm giới. - Các trường chưa xây dựng được góc giảm nhẹ rủi ro thiên tai; - Một số hộ gia đình chưa quan tâm đến việc quản lý con em. - Các trường chưa tổ chức dạy bơi cho các em học sinh. - Hệ thống thông tin cảnh của trường chưa đáp ứng.		

Nhận xét:

Cột 4: Tình trạng dễ bị tổn thương: Nâng cao kiến thức PCTT, BĐKH, nhạy cảm giới cho giáo viên và học sinh là hoạt động mang tính bền vững cao tuy nhiên hiện nay 80% giáo viên và học sinh chưa được tập huấn kiến thức và kỹ năng về PCTT, BĐKH, sơ cấp cứu; chưa được cấp chính quyền đưa vào kế hoạch PCTT&CHCN của địa phương; Có các tài liệu truyền thông về PNGNRR TT do xã đang được thực hiện dự án GTRRTT do dự án WB5 tài trợ

Cột 5: Năng lực, kỹ năng: Một số phòng học ở các điểm trường được xây dựng kiên cố, có các trang thiết bị máy tính, tăng âm, loa đài; kỹ năng áp dụng công nghệ thông tin cao, kỹ năng truyền thông tốt.

Cột 6: Rủi ro thiên tai: Học sinh có nguy cơ bị đuối nước khi thiên tai xảy ra;

5. Kết quả đánh giá về rừng:

Loại hình	Thôn	Xu hướng	TTDBTT	Kỹ năng,	Rủi ro thiên
-----------	------	----------	--------	----------	--------------

Thiên tai/BĐKH (v.d. Lũ, Bão, Sạt lở, Hạn, Giông lốc, nước biển dâng, xu hướng thiên tai cực đoan hơn v.v.)		thiệt hại (Tăng, Giảm, Giữ nguyên, Giảm)	(Số lượng gia súc, gia cầm và có nguy cơ thiệt hại)	công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	tai/BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(4)	(5)	(6)	(7)
Bão Lũ Lụt Hạn hán Giông sét	7/7 thôn	Thấp	- Có 3.7km rừng phòng hộ dọc ven biển (103,46 ha) - Nguy cơ bị ngã đổ do Bão - Khả năng cháy rừng xảy ra do nắng nóng kéo dài, do chủ quan của dân chặt phá rừng làm củi; - Dễ bị ngã đổ khi có thiên tai xảy ra - Chưa khai thác được tiềm năng thế mạnh từ biển rừng.	Trung bình	Thấp

Nhận xét:

Cột 4 (TTDBTT): Chưa phát huy được thế mạnh từ rừng, chưa có các mô hình sinh kế từ rừng .

Cột 5 (Năng lực, kỹ năng) 103,46 ha rừng trên cát rừng phòng hộ của xã chạy dọc theo 4,5 km bờ biển của xã tạo thành vành đai chắn sóng, chắn gió bảo vệ an toàn cho xã; Việc bảo vệ rừng nam tham gia; trồng rừng cả nam và nữ đều tham gia. Nam được tập huấn kỹ năng phòng cháy chữa cháy rừng, nữ thiếu kiến thức về phòng cháy chữa cháy; UBND xã đã giao khoán cho 03 thôn và 15 người quản lý, mỗi thôn có thành lập 1 tổ quản lý và ban chỉ huy bảo vệ phòng cháy chữa cháy gồm 15 người. Toàn xã có sinh kế xung quanh chủ yếu nuôi tôm trên cát và trồng các loại hoa màu và cây keo.

Cột 6 (Rủi ro thiên tai); Diện tích rừng có nguy cơ bị gãy đổ khi thiên tai xảy ra.

6. Kết quả đánh giá về trồng trọt

Loại hình Thiên tai/BĐKH (v.d. Lũ, Bão, Sạt lở, Hạn, Giông lốc, nước biển dâng, xu hướng thiên tai cực đoan hơn v.v.)	Thôn/ hộ	Xu hướng thiệt hại (Tăng, Giảm, Giữ nguyên, Giảm)	TTDBTT (Số lượng: diện tích trồng trọt có nguy cơ thiệt hại)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(4)	(5)	(6)	(7)
Hạn, hán, lũ lụt	7/7 thôn	Xu hướng thiệt hại	- Số diện tích trồng trọt nằm ở vùng có nguy cơ cao do lũ,	Thấp	Cao

	1.200 hộ	ngày càng gia tăng trước tác động của thiên tai và BĐKH	<p>lụt:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Diện tích bị ngập úng lâu ngày vào mùa mưa lũ 180 ha, - 50% người dân chưa được tham gia các lớp tập huấn về kỹ thuật trồng trọt và chăn nuôi. - Số diện tích trồng hoa màu bị sa bồi thủy phá 5ha; - Kênh mương chưa được kiên cố hoá: 24km (chiếm 84,3%) - 50% Thiếu kiến thức sử dụng các loại thuốc bảo vệ thực vật - Thiếu nước sản xuất khoảng 60 ha đất lúa thuộc toàn xã - Thiếu nước sản xuất khoảng 160 ha đất hoa màu. - Có 41 hộ lao động tham gia đánh bắt và nuôi trồng thủy sản - Chưa kêu gọi đầu tư các doanh nghiệp về đầu tư để thu hút lao động tạo công ăn việc làm cho người dân; - Hầu hết người dân chưa biết cách sử dụng đúng các loại thuốc bảo vệ thực vật - Có 180 ha diện tích đất trồng lúa ở vùng trũng thấp, dễ bị ngập úng khi có lũ, lụt xảy. Cụ thể Dương Quang : 55ha, Gia Hòa: 20ha, Thanh Long: 30ha, An Tĩnh: 15, Mỹ Khánh 30 ha, Đại Thạnh: 05 ha, Tân Định: 25 ha - Diện tích đất nông nghiệp chưa tưới tiêu chủ động: 60 ha. - Số diện tích trồng hoa màu bị sa bồi thủy phá 5ha; - Máy làm đất đa số nhỏ, bị xuống cấp: 70% 		
--	----------	---	---	--	--

Nhận xét :

Cột 4: Do thời tiết biến đổi bất thường và diện tích trồng trọt nằm ở khu vực trũng thấp, dễ gây ngập úng nên diện tích lúa hoa màu đôi khi mất thu hoạch, hoặc sâu bệnh phát sinh sau thiên tai

ảnh hưởng đến năng suất, chất lượng của lúa, hoa màu. Việc tham gia sản xuất và tập huấn kỹ thuật trồng trọt phân bố đều ở 2 giới.

Cột 5: Đã tiến hành dồn điền, đổi thửa được 160ha. Có các mô hình chuyển đổi cây trồng thích ứng với BĐKH: Cây cây đậu phụng, cây ngô; Áp dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất, sử dụng máy làm đất, máy thu hoạch; Diện tích trồng hoa màu: 351 ha, trong đó: Cây ngô: 75 ha, Cây mì: 5 ha,+ Cây Lạc: 35ha, Cây đậu các loại : 65 ha, Cây rau các loại : 171 ha,-Diện tích trồng cây hàng năm khác: 140ha, Diện tích đất trồng cây lâu năm 85,83 ha; Có các phương tiện sản xuất: Máy làm đất : 19 cái, Máy gặt đập liên hợp: 14; Có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật HTX năm 2012. Hợp tác xã sản xuất nông nghiệp đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh đạt kết quả, mở rộng và thực hiện tốt các dịch vụ, bên cạnh tăng cường phòng trừ sâu bệnh, sản lượng lương thực cả năm đạt 2.193,7 tấn. gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững tại địa phương; Một số mô hình sản xuất phát triển kinh tế hộ gia đình: Nuôi trâu bò, nuôi dê, trồng cây ăn quả, nuôi tôm, ốc hương trên cát; Xây dựng 2 đề án tái cơ cấu ngành nông nghiệp là trồng măng tây, chăn nuôi gà, nuôi giun quế.

Cột 6: 100% diện tích trồng trọt rủi ro do thiên tai /biến đổi khí hậu; Bờ sông vệ 1,5 km chưa được làm kè dễ bị sạt lở khi mùa lũ.

7.Kết quả đánh giá về chăn nuôi:

Loại hình Thiên tai/BĐKH (v.d. Lũ, Bão, Sạt lở, Hạn, Giông lốc, nước biển dâng, xu hướng thiên tai cực đoan hơn v.v.)	Thôn	Xu hướng thiệt hại (Tăng, Giữ nguyên, Giảm)	TTDBTT (Số lượng gia súc, gia cầm và có nguy cơ thiệt hại)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Lũ, lụt Bão Hạn hán Giông lốc	7/7 thôn (800 hộ)	Trung bình	<ul style="list-style-type: none"> - Phần lớn chăn nuôi nhỏ lẻ, chưa tập trung. - Làm chuồng trại chưa đúng kỹ thuật. - Người dân chưa chủ động tiêm phòng dịch bệnh cho gia súc, gia cầm. - Chưa dự trữ đủ thức ăn cho gia súc gia cầm trng mùa lũ; - Các hộ gia đình nuôi nhỏ lẻ, chủ yếu gia trại - Không có đầu ra ổn định tự cung tự cấp - HTX cung ứng vật tư nông nghiệp chưa đảm bảo. - Các lớp tập huấn kiến thức trồng trọt chăn nuôi được địa phương mở chưa thường 	Trung bình	Cao

			xuyên; - Đa số người dân chưa được tham gia các lớp tập huấn về kỹ thuật trồng trọt và chăn nuôi. - 70% hộ chăn nuôi gia súc chưa làm hầm Bioga, xả thải ra môi trường;		
--	--	--	---	--	--

Nhận xét:

Cột 4: Nhìn chung toàn xã có 800 hộ chăn nuôi nhưng đều là chăn nuôi nhỏ lẻ, chưa có các trang trại chăn nuôi tập trung nên, kiến thức về chăn nuôi gia súc, gia cầm còn hạn chế số người được tập huấn kỹ thuật chăn nuôi còn ít, chủ yếu là chăn nuôi theo kinh nghiệm, sản phẩm làm ra cung cấp cho thị trường tại chỗ, giá cả phụ thuộc hoàn toàn vào thị trường tiêu thụ tại địa phương; đa số chuồng trại tam bọ, nằm trong vùng trũng, thấp, mỗi khi có cảnh báo về thiên tai mà bà con không chủ động đưa gia súc, gia cầm lên vị trí cao thì nguy cơ bị thiệt hại là rất cao. Trong lĩnh vực chăn nuôi nam và nữ tham gia như nhau, nữ giới là người quyết định chọn giống và quyết định bán, tiền phụ nữ giữ và quyết định chi tiêu

Đa số hộ gia đình chăn nuôi chưa có hầm bioga nên việc xử lý rác, nước thải chưa đảm bảo gây ô nhiễm môi trường;

Cột 5: Tiêm phòng cho gia súc, gia cầm năm 3 lần. Đạt 80%; 30% hộ gia đình chăn nuôi làm hầm Bioga, Mô hình chăn nuôi bò đảm bảo. Tổng đàn trâu; 15 con, bò: 1.610 con, trong đó bò lai 1.410 con, heo: 5.350 con. Trong đó lợn nái 2.613 con, dê: 96 con, trong đó Dê sinh sản 70 con, gia cầm: 43.036 con.

Cột 6: Gia súc gia cầm có nguy cơ bị trôi, chết, dịch bệnh khi có thiên tai

8. Kết quả đánh giá ngành thủy sản (đánh bắt và nuôi trồng)

Loại hình Thiên tai/BĐKH (v.d. Lũ, Bão, Sạt lở, Hạn, Giông lốc, nước biển dâng, xu hướng thiên tai cực đoan hơn v.v.)	Thôn	Xu hướng thiệt hại (Tăng, Giảm nguyên, Giảm)	TTDBTT (Số diện tích thủy hải sản có nguy cơ thiệt hại khi xảy ra thiên tai, BĐKH)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1. Đánh bắt					

Bão, Lũ, lụt	2/7 thôn (30 hộ)	Xu hướng thiệt hại tăng	- Các hộ đánh bắt phương tiện nhỏ không thường xuyên mang áo phao; - Chưa được tập huấn kiến thức kỹ năng sơ cấp cứu; - Đa số các hộ đánh bắt ven bờ còn chủ quan - Số lao động tham gia đánh bắt thủy sản có nguy cơ rủi ro cao - Tàu thuyền nhỏ, dụng cụ đánh bắt thô sơ	Thấp	Cao.
2.Nuôi trồng	01/7thôn (11 hộ)				
		Xu hướng tăng Việc nuôi trồng thủy sản hoàn toàn phụ thuộc vào tự nhiên	- Bờ bao không được kiên cố. - Các hộ nuôi trồng thủy sản thiếu kiến thức về cách lựa chọn con giống, kỹ thuật chăm sóc. - Kiến thức, kỹ năng phòng chống thiên tai chưa có. - Có chủ quan , tư tưởng của bà con thường là được ăn thua chịu; không tuân thủ sự khuyến cáo của chính quyền địa phương. - 5,4 ha nuôi tôm dọc bờ biển (15 hồ) - Hồ nuôi chưa kiên cố, nhỏ lẻ - Nguy cơ dịch bệnh. - Nguồn giống chưa đảm bảo - Nguồn nước bị ô nhiễm. - Kỹ thuật nuôi trồng chưa đảm bảo. - Số lao động tham gia nuôi trồng thủy sản có nguy cơ rủi ro cao. - Đa số lao động phổ thông tay nghề không có cơ hội tìm kiếm việc làm có thu nhập thấp;	Thấp	Cao

Nhận xét:

Cột 4: Đánh bắt và nuôi trồng thủy sản là ngành chiếm 5% tổng thu của xã, hàng năm với 41 hộ. Ngành nghề đánh bắt và nuôi trồng thủy sản 100% nam giới tham gia, nhưng rủi ro do thiên tai và biến đổi khí hậu rất cao. Đầu ra chưa ổn định phụ thuộc vào thị trường, Chất lượng con giống chưa đảm bảo

Cột 5: Tỷ lệ diện tích đất nuôi trồng thủy sản được cấp, thoát nước chủ động đạt: 80%; Tổng số hộ nuôi trồng thủy sản trên địa bàn xã Đức Thắng: 41 hộ. Diện tích của các hồ nuôi nhỏ hơn 1.000m; các hộ dân được tập huấn kỹ thuật nuôi trồng nhưng chưa thường xuyên; Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường.

Cột 6: Người có thể chết, bị thương; Hư hỏng, mất phương tiện đánh bắt. Không có thu nhập khi có thiên tai, cuộc sống gia đình gặp nhiều khó khăn; Bờ bao có thể bị vỡ, Lều, Công cụ nuôi trồng bị hư hỏng, Mất sản lượng nuôi trồng

7. Kết quả đánh giá lĩnh vực du lịch – Xã Đức Thắng (không có du lịch)

Loại hình Thiên tai,	Thôn/ Số hộ	Xu hướng thiệt hại	TTDBTT (Số thôn/hộ)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp	Rủi ro thiên tai/BĐKH
-------------------------	----------------	-----------------------	------------------------	-----------------------------------	--------------------------

BĐKH (v.d. Lũ, Bão, Sạt lở, Hạn, Giông lốc, nước biển dâng, xu hướng thiên tai cực đoan hơn v.v.)		(Tăng, Giữ nguyên, Giảm)	dân làm dịch vụ du lịch có nguy cơ thiệt hại khi có thiên tai, BĐKH)	dụng để PCTT & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	(Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
			Mặc dù trên địa bàn xã có 4,5km bờ biển nhưng chưa có các dịch vụ ăn uống - du lịch để phát triển kinh tế, chỉ là các điểm nhỏ lẻ		

8. Kết quả đánh giá các ngành buôn bán nhỏ và ngành nghề dịch vụ khác.

Loại hình Thiên tai/BĐKH (v.d. Lũ, Bão, Sạt lở, Hạn, Giông lốc, nước biển dâng, xu hướng thiên tai cực đoan hơn v.v.)	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại (tăng, giữ nguyên, giảm)	TTDBTT (Số hộ dân làm dịch vụ du lịch có nguy cơ thiệt hại khi có thiên tai, BĐKH)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão, lũ, lụt	Toàn xã (309 hộ)	Tăng	- Buôn bán nhỏ, chủ yếu tập trung ở 01 chợ và cận chợ 200 người; Buôn bán tại cửa hàng dịch vụ và tại hộ gia đình 109 người. - Buôn bán nhỏ lẻ; giá cả không ổn định. - Phụ thuộc hoàn toàn vào giá cả thị trường. - Chất lượng hàng hóa dịch vụ không được quản lý, kiểm định chặt chẽ	Thấp	Thấp

--	--	--	--	--	--

Nhận xét:

Cột 4: Với 309 hộ trong toàn xã tham gia buôn bán dịch vụ nhỏ, may mặc chủ yếu là nữ tham gia họ có tay nghề nên thu nhập tương đối ổn định; Đi làm ăn xa chủ yếu là nam giới tuy nhiên có một số gia đình cả 2 vợ chồng đều đi làm ăn xa ở nhà chỉ còn lại người cao tuổi và trẻ em, những gia đình này thường thiếu nhân lực mỗi khi thiên tai xảy ra, cơ sở giết mổ, nghề mộc, thợ xây có 70% nam, 30% nữ tham gia.

Cột 5: Chợ Long Phụng, Đức Thắng có tổng diện tích: 1.500 m², diện tích xây dựng: 1.000 m², số điểm kinh doanh: 250 điểm. có 18 cơ sở may mặc. Người dân có nhiều kinh nghiệm hơn trong ứng phó thiên tai

Cột 6: Hàng hóa có thể bị ướt, hư hỏng khi thiên tai xảy ra

9. Kết quả đánh giá lĩnh vực thông tin truyền thông và cảnh báo sớm

Loại hình Thiên tai/BĐKH (v.d. Lũ, Bão, Sạt lở, Hạn, Giông lốc, nước biển dâng, xu hướng thiên tai cục đoạn hơn v.v.)	Thôn /Số hộ	Xu hướng thiệt hại (Tăng, Giảm, Giữ nguyên, Giảm)	TTDBTT (Số hộ dân được tiếp cận các dịch vụ thông tin truyền thông và cảnh báo phù hợp)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để PCTT & TUBĐKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BD KH (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão, lũ, lụt Giông sét	7/7 thôn	Gia tăng	<ul style="list-style-type: none"> - Thiếu 07 cụm loa cho các khu dân cư trên địa bàn 07 thôn - Chất lượng các phương tiện cảnh báo sớm của các chủ phương tiện đánh bắt trên biển bắt chưa đảm bảo - Người dân còn chủ quan, thiếu kiến thức PCTT/BĐKH - Thiếu thiết bị PCTT, hệ thống cảnh báo sớm tại các thôn như loa cầm tay, áo phao, cửa máy... - 20% hộ dân không tiếp cận được thông tin từ truyền thanh của xã như các hộ dân ở thôn Dương Quang, Gia Hòa, An Tĩnh, Tân Định - Còn thiếu 10 cụm loa trên địa bàn toàn xã. Trong đó thôn Dương Quang thiếu 03 cụm loa, Thôn Gia Hòa thiếu 03 cụm, Thôn An Tĩnh thiếu 03 cụm, Thôn Tân Định 	Trung bình	Cao

			thiếu 01 cái - Thiếu 22 cái máy tính cho 22 cán bộ -Số hộ dân không có ti vi :2% - Số hộ không có điện thoại: 2% -Số hộ có người không biết sử dụng Internet chiếm 40%;		
--	--	--	---	--	--

Nhận xét:

Cột 4: Hệ thống truyền thanh của xã chỉ đáp ứng 80% nhu cầu người dân; Trang thiết bị chưa đảm bảo, các hoạt động truyền thông, tập huấn nâng cao năng lực, diễn tập PCTT chưa được thực hiện hàng năm. Một số người dân còn xem nhẹ, chủ quan trong phòng ngừa ứng phó thiên tai, biến đổi khí hậu.

- Hoạt động tuyên truyền kiến thức PCTT, BDKH chưa được quan tâm đúng mức: Một số người dân không nắm bắt được kế hoạch PCTT & cứu hộ cứu nạn, không biết các phương án cụ thể về PCTT; Một vài đoàn thể chưa đưa nội dung tuyên truyền kiến thức PCTT, BDKH, vào kế hoạch thực hiện nhiệm vụ chính trị nên cán bộ, hội viên, đoàn viên chưa được cập nhật, thiếu kiến thức, không quan tâm đến công tác PCTT.

- Hình thức tuyên truyền chưa đa dạng chưa phù hợp với từng nhóm đối tượng nhất là nhóm dễ bị tổn thương: Đối tượng: Người khuyết tật, người già ít tham gia hội nghị, đi tập huấn

Cột 5: 15/15 khu dân cư của 07 thôn có hệ thống loa phát thanh hoạt động tốt. Đảm bảo cho 80% hộ được tiếp cận thông tin từ xã; Xã hiện có 21 máy tính / 43 cán bộ, công chức biết và sử dụng phần mềm eOffice (kể cả Lãnh đạo UBND xã), chiếm tỷ lệ 100%; Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành, -07/07 thôn có hệ thống tăng âm, loa đài sử dụng tốt, -Số hộ có ti vi: 99%, Số hộ có điện thoại: 98%

Cột 6: - Có nguy cơ cao, gây đổ hư hỏng hệ thống truyền thanh khi thiên tai xảy ra; Người có nguy cơ bị thương chết khi có thiên tai

10. Kết quả đánh giá lĩnh vực Phòng chống thiên tai/TU'BDKH

Loại hình Thiên tai/BDKH (v.d. Lũ, Bão, Sạt lở, Hạn, Giông lốc, nước biển dâng, xu hướng thiên tai cực đoan hơn v.v.)	Thôn/Số hộ	Xu hướng thiệt hại (Tăng, Giữ nguyên, Giảm)	TTDBTT (Số cán bộ chuyên trách/phụ trách và lực lượng 5 tại chỗ có ít nhất 5 năm làm việc trong lĩnh vực PCTT và BDKH)	Kỹ năng, công nghệ kỹ thuật áp dụng để phòng chống thiên tai và thích ứng với BDKH (Cao, Trung Bình, Thấp)	Rủi ro thiên tai/BDKH (Cao, Trung Bình, Thấp)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
Bão, ATNĐ	7/7 thôn	Trung bình	- Không có cán bộ chuyên trách làm công tác PCTT. - 1/3 thành viên Ban chỉ huy PCTT chưa được tập huấn kiến thức về PCTT, biến đổi khí hậu	Trung bình	Cao

			<p>cũng như chưa được phổ biến về Luật PCTT và các văn bản pháp lý liên quan về công tác PCTT.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Người làm công tác PCTT không có chế độ phụ cấp. - Kinh phí cho hoạt động PCTT còn hạn chế. - Trình độ nhận thức chuyên môn của Ban chỉ huy PCTT không đồng đều. - Trang thiết bị phục vụ công tác PCTT thiếu, đơn sơ chưa đáp ứng nhu cầu. - Phương châm 5 tại chỗ trong các hộ gia đình chưa được thực hiện nghiêm túc; 20% số hộ chưa chuẩn bị lương thực, thực phẩm, nước uống trước khi đi sơ tán. - Các thôn, hộ gia đình không chủ động xây dựng kế hoạch PCTT, BDKH (Chủ yếu là thực hiện theo chỉ đạo của BCHPCTT xã) - Thuyền cứu hộ cứu nạn còn thiếu 04 cái - Số hộ không có xe máy 2% - Các phương tiện cứu hộ cứu nạn thiếu, chưa đáp ứng được cứu hộ, cứu nạn khi xảy ra thiên tai; - Thiếu 50 cái áo phao, 20 cái phao cứu sinh - Thiếu 50 cái mũ bảo hộ, 50 đôi ủng, 50 đèn pin - Tại các thôn, trường học không có các phương tiện cứu hộ cứu nạn; phương tiện PCTT không được trang bị; - Tất cả các thành viên Ban chỉ huy PCTT&TKCN làm việc theo chế độ kiêm nhiệm, không hưởng lương. - Kinh phí hoạt động còn hạn chế, còn phụ thuộc vào ngân sách được cấp hàng năm. - Công tác tuyên truyền, truyền thông nội dung về PCTT chỉ được thực hiện khi có thông báo, chỉ đạo của cấp trên. <p>Các trưởng thôn chưa cơ cấu là thành viên của BCH PCTT và</p>	
--	--	--	---	--

			<p>TKCN xã.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Luật PCTT, Đề án 1002 chưa được triển khai đến người dân; - Kế hoạch PCTT hàng năm được xây dựng nhưng chưa triển khai đến người dân (chủ yếu là cán bộ thôn); - Sự phối kết hợp giữa các tổ chức đoàn thể tuyên truyền kiến thức PCTT, BDKH chưa được thực hiện, các đoàn thể chưa đưa nội dung tuyên truyền PCTT, BDKH và sinh hoạt thường kỳ, sinh hoạt chuyên đề; - Công tác tuyên truyền kiến thức PCTT, BDKH đến người dân chưa được chính quyền địa phương quan tâm đúng mức. - Lực lượng cứu hộ, cứu nạn, xung kích thiếu (Số lao động đi làm ăn xa ít khi có mặt ở nhà nên khi thiên tai xảy ra địa phương không có lực lượng để huy động); - Tại xã, thôn không chuẩn bị lương thực, thực phẩm - Các phương tiện cứu hộ cứu nạn như xuồng cứu hộ, phao bơi còn thiếu; - Tại các thôn không có các phương tiện cứu hộ cứu nạn phụ thuộc hoàn toàn vào số phương tiện của xã - 70% người dân không biết bơi - 98 % phụ nữ không biết bơi - 50 % người dân dân chưa được tập huấn kiến thức PCTT, BDKH , hướng dẫn về cách chằng chống nhà cửa; - 20% người dân không quan tâm đến PCTT, BDKH và chưa chủ động phòng chống thiên tai - Đa số hộ dân còn chủ quan cho rằng tại địa phương ít có nguy cơ cao do thiên tai nên khi nước dâng lên nhanh người dân thường bị bất ngờ. 		
--	--	--	---	--	--

Nhận xét:

Cột 4: Với vị trí là xã ven biển (có 4,5 km bờ biển), có Sông Vệ chạy qua, hàng năm thường có từ 5- 10 cơn Bão, ATNĐ, lũ lụt và mưa lớn thiếu nhân lực huy động khi thiên tai xảy ra, đội ngũ cán bộ

làm công tác PCTT kiêm nhiệm, nguồn lực kinh phí trang thiết bị PCTT còn hạn chế như hiện nay khả năng ứng phó với thiên tai lớn xảy ra trên địa bàn sẽ gặp nhiều khó khăn.

Hàng năm đã xây phương án PCTT &TKCHCN, phân công nhiệm vụ cho các thành viên, xây dựng kế hoạch PCTT &TKCHCN; Các tổ chức đoàn thể, các thôn hoạt động theo sự phân công của Ban chỉ huy PCTT&TKCHCN, các thôn xây dựng kế hoạch, các đoàn thể lồng ghép nội dung truyền thông kiến thức PCTT, BDKH vào sinh hoạt nhóm, chuyên đề, tổ chức hội thi...

Cột 5: Ban Chỉ huy PCTT và TKCN xã được kiện toàn với 22 thành viên, trong đó có 05 nữ (Quyết định số 113/QĐ-UBND ngày 11/5/2018 của UBND xã Đức Thắng ; phân công trách nhiệm cụ thể cho từng thành viên xuống địa bàn thôn để nắm thông tin, vận động di dời dân và tài sản khi có thiên tai xảy ra. Lực lượng quân sự xã: 18 người, Lực lượng công an xã: 11 người, Thanh niên xung kích, chữ thập đỏ, cứu hộ cứu nạn: 31 người (nữ: 10 người). Số thành viên đã qua đào tạo, tập huấn về công tác PCTT: 22 người.- Hàng năm 7/7 thôn và 03 trường xây dựng kế hoạch PCTT & TKCHCN; Hàng năm xã đã tổ chức diễn tập về PCTT & CHCN trong 10 năm gần đây: 04 lần; Đội cứu hộ cứu nạn đã được tập huấn kỹ năng sơ cấp cứu, cứu hộ, cứu nạn hàng năm

Phương châm 4 tại chỗ: Các trang thiết bị PCTT: xuồng nhôm: 05, nhà bạt: 02, phao cứu sinh: 25, loa phóng thanh: 23, loa cầm tay:10, cồng cứu thương: 01, túi cứu thương: 03.Ô tô tải 7 chiếc; xe khách 02 chiếc; xe ô tô con 03 chiếc, 01chiếc ghe máy và 5 ghe tay; 98% hộ dân có xe máy được sử dụng trong công tác phòng chống thiên tai;Trước mùa mưa bão thì UBND xã hợp đồng với các chủ cửa hàng và chủ phương tiện chuẩn bị sẵn sàng xuất sử dụng khi có lệnh điều động từ Ban Chỉ huy PCTT xã, cụ thể: dự trữ 07 tấn gạo, nước uống 100 thùng, 100 thùng mì tôm và 50 lít dầu thấp sáng, 20 lít xăng

Cột 6: Người có thể bị thương, chết khi thiên tai xảy ra.

D. TỔNG HỢP KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ LIÊN NGÀNH & GIẢI PHÁP

11. Tổng hợp kết quả phân tích nguyên nhân ruit ro thiên tai/ BDKH

Thứ tự ưu tiên	Rủi ro thiên tai	Tình trạng dễ bị tổn thương	Nguyên nhân trực tiếp, gián tiếp	Giải pháp
1	Nhà thiếu kiên cố, tạm bợ, vùng trũng thấp, có nguy cơ bị sụp đổ hư hỏng	-676 hộ có nhà ở thiếu kiên cố -Người dân thiếu kiến thức xây nhà an toàn -Các hộ dân chủ quan không chằng chống, gia cố nhà cửa. -Công tác tuyên thông kiến thức PCTT, BDKH chưa được thực hiện thường xuyên. - 3 nhà văn hóa : Đại Thạnh, An	- 676 hộ có nhà thiếu kiên cố, không có kinh phí xây dựng nhà; - Người dân chủ quan, không gia cố chằng chống trước khi thiên tai xảy ra. -Người dân thiếu kiến thức PCTT, BDKH; kiến thức xây nhà an toàn - Công tác tuyên truyền về PCTT,BDKH chưa được làm thường xuyên (chỉ truyền thông khi có thông tin diễn biến về thiên tai;chưa được kịp thời - Các thôn không có cán bộ làm công tác truyền thông	- Vận động nguồn lực hỗ trợ kinh phí xây nhà ở cho 676 nhà thiếu kiên cố. -Tiếp cận các nguồn vốn vay để làm nhà. -Tập huấn cho người dân về kỹ thuật xây nhà chống bão, lũ và cách chằng chống nhà cửa. - Thường xuyên tuyên truyền, tập huấn kiến thức PCTT, BDKH, kỹ năng chằng chống nhà cửa, di dời sơ tán - Xây dựng nhà đảm bảo theo thiết kế chống lũ bão và có phòng để tránh trú bão.

		Tỉnh, Tân Định hư hỏng, xuống cấp.	<ul style="list-style-type: none"> - Hệ thống truyền thanh xuống cấp, thiếu các cụm loa; 20% hộ dân không nghe được thông tin từ loa truyền thanh của xã -3/7 nhà văn hóa thôn chưa được đầu tư xây dựng . 	-Vận động nguồn lực xây 3 nhà văn hóa : Đại Thạnh, An Tỉnh, Tân Định.
2	Ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nguồn nước	<ul style="list-style-type: none"> -Người dân còn vứt rác, xác súc vật bừa bãi ra môi trường - Một số các hộ dân còn sử dụng thuốc bảo vệ thực vật chưa đúng hướng dẫn, bỏ bao bì, chai lọ không đúng nơi qui định - Công tác tuyên truyền, hướng dẫn người dân cách xử lý rác thải chưa được làm thường xuyên 	<ul style="list-style-type: none"> - Xác súc vật chết và trôi. Thiếu kiến thức xử lý xác súc vật sau thiên tai -Nằm ở vùng trũng, thấp, cửa sông - 30% người dân chưa có ý thức bảo vệ môi trường. -Một số hộ chăn nuôi còn xả thải ra môi trường, chưa có hệ thống xử lý. - Một số hộ dân còn sử dụng thuốc bảo vệ thực vật tràn lan,vứt bừa bãi các chai lọ thuốc BVTV. - Các địa điểm thu gom bao bì, thuốc BVTV chưa có cách xử lý. - Chưa quy hoạch hệ thống cống rãnh thoát nước. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tuyên truyền nâng cao nhận thức. - Có biện pháp xử lý kịp thời những hộ gia đình xả rác bừa bãi . - Tuyên truyền vận động và hỗ trợ xây dựng hầm Biogas. - Tập huấn kiến thức bảo vệ thực vật, bảo vệ môi trường và thích ứng với biến đổi khí hậu. - Vận chuyển kịp thời lượng rác thu về nơi quy định. -Xây dựng quy chế bảo vệ môi trường tại các thôn, khu dân cư - Quy hoạch hệ thống công rãnh thoát nước -Xây dựng cống bi, đặt các thùng rác nơi công cộng, tuyên truyền, hướng dẫn người dân bỏ rác đúng nơi quy định -Ra quân dọn dẹp vệ sinh môi trường, phát quang bụi rậm, khơi thông cống rãnh trước mùa thiên tai. -Quy hoạch nghĩa trang nhân dân xa khu dân cư tránh ô nhiễm nguồn nước sinh hoạt; -Hướng dẫn, tuyên truyền người dân sử dụng điện an toàn, tiết kiệm, không đốt rác, xả rác bừa bãi, trồng cây xanh có giá trị kinh tế cao bảo vệ môi trường, tăng thu

				nhập.
3	Đường giao thông, đường nội đồng hư hỏng, sạt lở, chia cắt	-12,2 km đường liên xã 14,9km đường liên thôn ;Ngõ xóm: 10,4km. Đường nội đồng: 14 km chưa được bê tông hóa; -Sự tham gia đóng góp của các hộ dân còn hạn chế. -Nằm trong vùng trũng thấp.	- Đường liên xã chưa được kiên cố hóa: 12,2 km; Đường liên thôn chưa được bê tông: 14,9km ;Ngõ xóm: 10,4km. Đường nội đồng: 14 km chưa được đầu tư kinh phí -Khả năng vận động nguồn lực còn thấp, các hộ dân chưa tích cực tham gia đóng góp kinh phí (Nhà nước và nhân dân cùng làm) - Nằm vùng trũng, thấp, nền đường yếu xuống cấp -Xe chở quá tải chạy tránh trạm thu phí đi vào với lưu lượng nhiều; -Hệ thống công thoát nước chưa được quy hoạch đầu tư xây dựng;	-Đầu tư nâng cấp bê tông hóa các tuyến đường liên xã, hệ thống đường giao thông nội đồng; - Tiếp cận các nguồn vốn từ Nhà nước và huy động xã hội hóa xây dựng đường giao thông liên thôn; -Xây dựng các biển báo cấm xe chở quá tải. -Đầu tư các công trình tiêu thoát nước. -Cấm biển cảnh báo ở vùng có nguy cơ cao
4	Người có nguy cơ bị chết hoặc bị thương khi thiên tai xảy ra	- 20% hộ dân không tiếp cận được thông tin từ truyền thanh của xã. - Còn thiếu 10 cụm loa trên địa bàn toàn xã. Trong đó thôn Dương Quang thiếu 03 cụm loa, Thôn Gia Hòa thiếu 03 cụm, Thôn An Tĩnh thiếu 03 cụm, Thôn Tân Định thiếu 01 cái -Công tác tuyên truyền kiến thức PCTT, BDKH chưa được thực hiện thường xuyên.	-Hệ thống truyền thanh xuống cấp, thiếu các cụm loa - 20% hộ dân ở xa trung tâm chưa tiếp cận thông tin từ hệ thống loa truyền thanh của xã; - Đa số người dân thiếu kiến thức PCTT,BDKH, Đa số người dân chưa biết bơi (70%) - Người dân còn chủ quan, chưa chủ động phòng tránh thiên tai, một bộ phận còn trông chờ vào nhà nước; - Tuyên truyền kiến thức PCTT, BDKH chưa được quan tâm đúng mức; - Cán bộ làm công tác PCTT chưa được tập huấn kiến thức kỹ năng sơ cấp cứu thường xuyên - Các hộ dân ở vùng có nguy	- Sơ tán các hộ dân ở vùng có nguy cơ cao kịp thời;cắm biển cảnh báo,phân công người trực ở nơi có nguy cơ cao khi có thông tin diễn biến thiên tai; phân công người trực khi cần thiết. - Nâng cấp hệ thống loa truyền thông, mua sắm trang thiết bị cứu hộ cứu nạn; -Tổ chức các lớp tập huấn, các buổi truyền thông kiến thức PCTT, BDKH cho người dân, Giáo viên, HS các trường học đặc biệt là nhóm đối tượng DBTT; - Xã hội hóa nguồn kinh phí để xây dựng bể bơi, tập bơi cho các em HS. - Tập huấn kỹ năng sơ cấp cứu, cứu hộ cứu nạn cho cán bộ làm công tác PCTT và

			<p>ơ cao chưa được tập huấn kiến thức về sơ cấp cứu, cứu hộ cứu nạn;</p> <p>- 20% hộ dân chưa được tập huấn kiến thức, kỹ năng PCTT, BDKH, chưa được hướng dẫn về cách phòng tránh;</p> <p>-30% người dân còn thờ ơ, không quan tâm đến thời tiết, thiên tai..</p> <p>-2/6 nhà văn hóa thôn chưa được đầu tư xây dựng để làm nơi tránh trú;Nơi tránh trú thiên tai còn thiếu</p>	<p>người dân ở vùng có nguy cơ cao</p> <p>- Tuyên truyền cho người dân trang bị áo phao và phao cứu sinh tại hộ gia đình.</p>
5	Dịch bệnh ở người có nguy cơ xảy ra sau thiên tai	<p>-Lực lượng cán bộ y tế mỏng, địa bàn rộng</p> <p>- Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cho người dân về sức khỏe, nước sạch vệ sinh, môi trường còn hạn chế, chưa được làm thường xuyên;</p> <p>- Sự phối hợp giữa các ban, ngành về vận động người dân thu gom rác thải còn hạn chế.</p>	<p>- Lực lượng y tế chưa kịp thời hướng dẫn người dân xử lý nguồn nước sau thiên tai; Thiếu các loại thuốc xử lý, viên lọc nước...</p> <p>- Người dân chưa chủ động dự trữ nước uống, nước sinh hoạt trước khi thiên tai xảy ra.</p> <p>-Các hộ gia đình thiếu kiến thức xử lý môi trường sau thiên tai</p> <p>- Xác súc vật chết không được tiêu hủy kịp thời, người dân còn vứt bừa bãi ra môi trường.</p> <p>-Ý thức bảo vệ môi trường người dân còn hạn chế: Vứt rác, bao bì thuốc bảo vệ thực vật bừa bãi ra khu dân cư, khu sản xuất gây ô nhiễm môi trường, ô nhiễm nguồn nước;</p> <p>-Chưa quy hoạch, xây dựng hệ thống thoát nước sinh hoạt;</p> <p>-Lực lượng cán bộ y tế mỏng, thiếu bác sỹ chuyên</p>	<p>- Cung cấp và hướng dẫn người dân sử dụng thuốc Cloramin B xử lý môi trường; Hướng dẫn các hộ dân xây dựng bể lọc truyền thống, lọc trước khi đưa sang máy lọc để đảm bảo vệ sinh trước khi sử dụng.</p> <p>-Các hộ dân chủ động phát quang bụi rậm xung quanh nhà, xử lý môi trường bằng vôi bột theo hướng dẫn của nhân viên y tế;</p> <p>- Tuyên truyền nâng cao nhận thức cộng đồng về PCTT, BDKH, vệ sinh môi trường, giới, bình đẳng giới và nhạy cảm giới: bằng các hình thức: phát tờ rơi, hệ thống loa, thông qua sinh hoạt KDC, các trường học.</p> <p>-Hướng dẫn, quy định xử lý xác súc vật chết theo đúng quy trình: đào hố, rải vôi, san lấp .</p> <p>-Tăng cường đầu tư trang thiết bị y tế, tăng cường bác sỹ về khám điều trị chuyên</p>

			khoa -70% nguồn nước sinh hoạt bị nhiễm phèn -Vùng trũng, thấp, hệ thống thoát nước trong khu dân cư không có; -.55% hộ không có máy lọc nước, không có bể dự trữ nước sạch để dùng.	khoa cho chị em phụ nữ -Quy hoạch, xây dựng hệ thống cống thoát nước trong khu dân cư; -Hỗ trợ kinh phí làm nhà vệ sinh cho các hộ nghèo. -Hỗ trợ các hộ nghèo làm bể lọc nước -Khuyến cáo người dân xây dựng bể lọc truyền thống
6	Mất mùa, giảm năng suất hoa màu, lúa khi thiên tai xảy ra	- Có 180 ha diện tích đất trồng lúa ở vùng trũng thấp, dễ bị ngập úng khi có lũ, lụt xảy - Kênh mương chưa được kiên cố hoá: 24km (chiếm 84,3%)	-Người dân thiếu kiến thức về trồng lúa, hoa màu, làm rau màu trái vụ -Chưa chọn giống cây trồng cho phù hợp. - Trồng trọt theo kinh nghiệm truyền thống, chưa áp dụng KHKT; - Máy làm đất đa số nhỏ, bị xuống cấp: 70%, thiếu máy móc, chậm mùa vụ . - Chưa có các mô hình trồng các loại cây trồng thích ứng với BĐKH	- Tuyên truyền kiến thức về trồng trọt, chuyển giao KHKT. - Thường xuyên theo dõi dự báo thông tin thời tiết. - Tuân theo lịch thời vụ. -Liên doanh, liên kết tìm đầu ra cho sản phẩm làm ra. -Xây dựng các mô hình, nhân rộng các mô hình sản xuất nông nghiệp cánh đồng mẫu lớn thích ứng với biến đổi khí hậu.
7	Gia súc, gia cầm bị chết, trôi, dịch bệnh khi thiên tai xảy ra	-Các hộ dân chủ quan không di dời gia súc, gia cầm lên cao trước khi có lũ, lụt. -Thiếu thông tin cảnh báo thiên tai.	- Chuồng trại chăn nuôi nằm trong vùng trũng thấp và chưa kiên cố. - Chưa thực hiện tiêm phòng đầy đủ. - Chưa chủ động di dời gia súc, gia cầm đến nơi an toàn. - Người dân chưa chủ động dự trữ thức ăn trong mùa mưa, bão.	-Gia cố chuồng trại, đảm bảo kín về mùa đông, thoáng mát mùa hè, làm gác để dự trữ thức ăn cho gia súc gia cầm vào mùa mưa lũ. - Nâng cao năng lực mạng lưới thú y cơ sở. - Có phương án qui hoạch vùng chăn nuôi tập trung. -Tuyên truyền công tác tiêm phòng đầy đủ. -Hướng dẫn hộ dân bảo vệ nguồn thức ăn cho gia súc, gia cầm (đưa rơm rạ lên gác) -Chủ động di dời, bảo vệ gia súc gia cầm trước khi lũ lụt

12. Tổng hợp các giải pháp phòng, chống thiên tai/thích ứng BĐKH

Nhóm ngành, lĩnh vực	Các giải pháp đề xuất	Địa điểm và đối tượng hưởng lợi	Hoạt động cụ thể để thực hiện giải pháp	Thời gian dự kiến		Nguồn lực dự kiến
				Ngắn hạn	Dài hạn	
Nhà ở	Hỗ trợ kinh phí xây nhà chống bão cho người dân (676 nhà thiếu kiên cố và 03 nhà văn hóa thôn	- Địa điểm: 7thôn -Hộ nghèo và đối tượng chính sách	- Khảo sát, thiết kế, lập dự toán - Vận động nguồn lực -Lựa chọn mẫu nhà phù hợp - Triển khai thực hiện - Đưa vào sử dụng	X		Dự án GCF Nhà nước, hộ hưởng lợi, các đoàn thể
	Tập huấn cho người dân về kỹ thuật xây nhà chống bão, lũ và cách chằng chống nhà cửa.	- 07 thôn. - Người dân	- Xây dựng nội dung, chương trình tập huấn. - Dự toán kinh phí - Tổ chức thực hiện	X		Dự án GCF UBND xã Hộ hưởng lợi
	Trang bị kiến thức xây nhà an toàn cho người dân	- 07 thôn. - Người dân	-XD kế hoạch, chuẩn bị tài liệu Hình thức truyền truyền	X		Nhóm HTKT GCF (tài liệu)
Phòng chống thiên tai và thích ứng với BĐKH	-Tuyên truyềnKiến thức PCTT, BĐKH , nước sạch vệ sinh môi trường;	7/7 thôn Người dân	- Xây dựng kế hoạch, nội dung - Lựa chọn hình thức truyền thông: Sinh hoạt chuyên đề, tổ chức hội thi... -Tổ chức thực hiện -Đánh giá rút kinh nghiệm	Mỗi tháng 1 lần		Các tổ chức, đoàn thể: Hội phụ nữ, thanh niên, MTTQ
	Nâng cao kiến thức PCTT,BĐKH cho giáo viên và học sinh thích ứng với biến đổi khí hậu	Giáo viên, học sinh các trường học	-Tập huấn kiến thức PCTT, BĐKH cho GV và HS. -Tổ chức truyền thông kiến thức PCTT, Giới, giới tính và nhạy cảm giới. -Tổ chức các hội thi tìm hiểu. -Xây dựng trường học an toàn. -Tập huấn sơ cấp cứu cho giáo viên, đội nòng cốt trong trường học.	Hàng năm		Nhà trường Dự án Hỗ trợ

			-XD góc giảm thiểu RRTT			
	Tập huấn kỹ năng sơ cấp cứu cho người lực lượng xung kích 7 lớp/7 thôn	Các thành viên trong đội sơ cấp cứu của 7 thôn	- Xây dựng nội dung, chương trình tập huấn. - Dự toán kinh phí - Tổ chức thực hiện	Hàn g năm		Dự án GCF UBND xã
	Xây dựng bể bơi	Đối tượng: Toàn xã	- Khảo sát, thiết kế - Lập dự toán - Vận động ngân sách - Triển khai thực hiện - Đưa vào sử dụng		x	Huy động xã hội hóa và dự án
	Tổ chức diễn tập về PCTT, BDKH	-Toàn xã	-Xây dựng kịch bản -Tổ chức thực hiện -Đánh giá rút kinh nghiệm	X		UBND xã Dự án
	Hướng dẫn, tuyên truyền người dân biết cách sử dụng điện tiết kiệm, trồng và bảo vệ cây xanh khu dân cư và khu vực bờ sông Vệ	Toàn xã	-Khảo sát -XD kế hoạch -Tổ chức triển khai	Hàn g năm		UBND xã Các đoàn thể
Chăn nuôi, trồng trọt	Dự trữ nguồn thức ăn cho gia súc, gia cầm trong mùa mưa lũ	- Địa điểm: 07 thôn.	Tuyên truyền cho người dân dự trữ thức ăn cho gia súc, gia cầm trước mùa mưa lũ	Hàn g năm		Hộ gia đình
	Nâng cao nhận thức cho người dân về kỹ thuật chăm sóc gia súc, gia cầm thích ứng với biến đổi khí hậu.	-Địa điểm: 07 thôn.	-Tập huấn (02 lớp) về kỹ thuật chăm sóc gia súc, gia cầm. - Đào tạo nghề cho lực lượng lao động (ưu tiên lao động nữ)	Hàn g năm		Hội Nông dân, UBND xã
	Cơ cấu lại giống cây trồng cho phù hợp với thời tiết ở địa phương.	Địa điểm: 07 thôn. - Đối tượng hưởng lợi: người dân	-Tiếp tục đôn điền đổi thửa thành cánh đồng mẫu lớn. - Quy hoạch các vùng rau màu an toàn có giá trị kinh tế cao -Tìm đầu ra cho sản phẩm tạo thành chuỗi liên kết.		x	UBND xã phối hợp phòng NN&PTNT
	Xây dựng mô hình chăn nuôi, trồng trọt thích ứng với BDKH	7/7 thôn	- Nhân rộng mô hình trồng hoa cảnh, mô hình trồng rau an toàn; Liên doanh, liên kết tìm đầu ra ổn định		X	Kêu gọi đầu tư từ các doanh nghiệp UBND xã

			-Hướng dẫn kỹ thuật trồng hoa, đa dạng các loại hoa cảnh có giá trị kinh tế cao -Quy hoạch mở rộng chăn nuôi gia súc, gia cầm theo hình thức trang trại, xa khu dân cư .			Các hộ dân
	Đào tạo lao động có tay nghề tạo công ăn việc làm tăng thêm thu nhập cho người dân	7/7 thôn	-Tổ chức các lớp dạy nghề cho lực lượng lao động (ưu tiên lao động nữ) -Kêu gọi đầu tư từ các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh		X	UBND xã Nhà nước Doanh nghiệp
Hạ tầng công cộng (Kênh mương thuỷ lợi, đường giao thông)	- Đầu tư, nâng cấp hệ thống kênh mương thuỷ lợi	Địa điểm: 06 thôn. - Đối tượng hưởng lợi: người dân.	-Kiên cố hoá 24km kênh mương nội đồng -Hệ thống công thoát nước 02 bên đường		x	Nhà nước
	Tổ chức nạo vét hệ thống kênh mương sau mùa mưa lũ.	- Địa điểm: 07 thôn. - Đối tượng hưởng lợi: người dân	- Xây dựng kế hoạch - Huy động nguồn lực - Vận động kinh phí - Triển khai thực hiện	Hàng năm		UBND xã, Hợp tác xã NN
	Nâng cấp hệ thống giao thông nội đồng	Địa điểm: 07 thôn. - Đối tượng hưởng lợi: người dân.	Bê tông hoá 14 km đường giao thông nội đồng		x	Nhà nước các dự án
	Nâng cấp hệ thống giao thông liên xã, liên thôn, đường giao thông ngõ xóm	Địa điểm: 7/7 thôn	- Bê tông hóa 12,2km đường liên xã - Bê tông 12,56km đường liên thôn - Bê tông hóa 10,4km đường giao thông ngõ xóm	x		Nhà Nước và huy động xã hội hóa cùng với người dân
	Xây dựng 3km bờ kè ven sông vệ	Thôn Thanh Long, An Mỹ Khánh	Khảo sát -Vận động nguồn lực -Thi Công -Đưa vào sử dụng	x		Huy động dự án UBND xã
Thông tin truyền thông và cảnh báo sớm	Nâng cấp hệ thống loa truyền thanh đảm bảo 100% hộ dân được tiếp cận thông tin cảnh báo	7/7 thôn	-Khảo sát -Vận động nguồn lực -Mua sắm, lắp đặt -Đưa vào sử dụng	X		Dự án UBND xã
	- Lắp đặt các biển cảnh báo những nơi nguy hiểm	Toàn địa bàn xã	-Khảo sát -Vận động nguồn lực -Mua sắm, lắp đặt	x		Huy động dự án UBND xã

			-Đưa vào sử dụng			
Phương tiện cứu hộ cứu nạn	Nâng cấp mua mới các trang thiết bị: Aó phao: 100 cái, 50 phao cứu sinh, 07 cồng cứu thương, 07 túi sơ cấp cứu, 07 ghe, 07 máy cưa, 01 máy phát điện, 2000 m dây thừng, 90 đôi ủng, 60 đèn pin....	Toàn địa bàn xã	Khảo sát - Vận động nguồn lực - Mua sắm - Đưa vào sử dụng	X		Huy động dự án UBND xã

Trên đây là báo cáo kết quả đánh rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng tại xã Đức Thắng do nhóm hỗ trợ kỹ thuật & nhóm hỗ trợ cộng đồng của xã thực hiện tháng 6/2018./.

Nơi nhận:

- Tổng cục PCTT (báo cáo);
- Ban QLDA Tỉnh (báo cáo);
- Ban PCTT&TKCN huyện
- TT/Đảng ủy, TT/HĐND Xã;
- CT&các PCT.UBND Xã;
- UBMTTQ và các đoàn thể Xã;
- Ban PCTT&TKCN xã;
- Lưu: VPUBND xã.

**TM.NHÓM HỖ TRỢ KỸ THUẬT
TRƯỞNG NHÓM**

**Nguyễn Tấn Việt
PHÓ CHỦ TỊCH UBND XÃ**